

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 / 9 / 2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;

2. Bà Hà Mộng Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66a/2017/QĐST-HN ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Kim T, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 15, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang. Địa chỉ hiện nay: số 95 T, khóm L, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Trần Anh H, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 15, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang. Địa chỉ hiện nay: số 242/86 L, khóm Q, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị T có mặt; Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Kim T trình bày: Vào năm 2000, chị và anh H yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú

Hiệp, huyện Phú Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 299/TPHT, quyền số 02/2002 cấp ngày 31/12/2002.

Đến năm 2013, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ con, anh H không có ý thức làm để tạo thu nhập lo kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Năm 2015, anh H bỏ nhà đi sau đó về một vài lần rồi tiếp tục bỏ nhà đi, không quan tâm thăm hỏi vợ con. Từ đó chị và anh H không còn chung sống với nhau nữa.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Kim Ng, sinh năm 2003 và Trần Vinh H, sinh năm 2007. Hiện nay, 02 con đang sống với chị nên chị yêu cầu nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh Huy cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Anh H về việc tham gia kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị T nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông H có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà T cho biết quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, do ông H uống rượu không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, đến năm 2015 H bỏ đi đến nay. Căn cứ biên bản xác minh hội phụ nữ phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc cho biết: Trong thời gian sống chung thường xuyên xảy ra cự cãi, hai người không thống nhất tiếng nói chung. Đến năm 2013 H bỏ đi, khoảng 1 năm T đi tìm trở về sống cũng khoảng 1 tháng H không thay đổi tiếp tục bỏ đi cho đến nay. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ chăm sóc thương yêu giúp đỡ lẫn nhau nhưng H uống rượu không chăm sóc vợ con, xảy ra mâu thuẫn nhiều lần chị T cho anh H nhiều cơ hội thay đổi nhưng H không thay đổi hiện đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chấp nhận yêu cầu ly hôn chị T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình

- Con chung: bà T yêu cầu được nuôi dạy hai con chung tên Trần Kim Ng, sinh năm 2013, Trần Vinh H, sinh năm 2007. Hiện con chung do bà T nuôi dạy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ nguyện vọng 2 cháu muốn sống chung mẹ và hiện bà T nuôi dạy hai cháu. Nên việc giao 2 cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, tốt cho việc nuôi dạy.

- Tài sản chung, nợ chung: đã thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Nguyên đơn còn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Chị Phạm Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Anh H. Đồng thời, anh H cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Trần Anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

Chị Phạm Kim T và anh Trần Anh H yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 299/TPHT, quyển số 02/2002 cấp ngày 31/12/2002 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh H, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ và con, không chịu làm để tạo thu nhập lo cho gia đình, vợ chồng sống xa cách từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để hòa giải giữa chị T và anh H, nhưng anh H vắng mặt không tham gia hòa giải.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H, Hội phụ nữ phường Châu Phú B cho biết, trong quá trình chung sống, chị T và anh H thường xuyên xảy ra cãi vã, không thống nhất được tiếng nói chung. Đến năm 2013, anh H bỏ nhà đi, chị T đi tìm và kêu trở về, anh H quay về sống chung được khoảng 01 tháng thì anh H không thay đổi và bỏ đi cho đến nay.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Thế nhưng giữa chị T và anh H thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống xa cách, không quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Kim Ng, sinh năm 2003 và Trần Vinh H, sinh năm 2007. Hiện nay, 02 cháu đang sống chung với chị T và chị có yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của hai cháu đều có nguyện vọng sống chung với chị T. Xét, chấp nhận giao 02 con chung là Trần Kim Ng, sinh năm 2003 và Trần Vinh H, sinh năm 2007 cho chị T nuôi dạy, do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Kim T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007364, ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Anh Trần Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Kim T.

Chị Phạm Kim T được ly hôn với anh Trần Anh H.

Về con chung: Chị T được nuôi dạy 02 con chung tên Trần Kim Ng, sinh năm 2003 và Trần Vinh H, sinh năm 2007 cho đến tuổi trưởng thành; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Kim T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007364, ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Phạm Kim T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc

